TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2023/DS-PT
Ngày: 09/5/2023

V/v tranh chấp: "Chia tài sản chung, thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Ông Lê Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung, thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị M, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp Th B, xã Th T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai: Luật sư Trần Thị Kim Phượng – thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Võ Thị T, sinh năm 1923

Địa chỉ: Ấp Th B, xã Th T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tấc: Luật sư Phan Minh Sâm – thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số 0 L T T, khu phố , phường , thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp Th B, xã Th T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố , thị trấn V B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 0, ấp M T, xã M H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số /81, phường Đ K, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Đặng Thị Mỹ T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp Kênh , xã T Th, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

7. Đặng Thị Mỹ D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp H B, xã V H, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

8. Đặng Hoàng L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp H B, xã V H, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

9. Đặng Thị Diễm S, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp T N, xã T P huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

10. Đặng Thị Mộng T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 1 H B, phường Ph T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

11. Đặng Hoàng D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp H B, xã V H, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

12. Đặng Công S, sinh năm 1949

Địa chỉ: Ấp H B, xã V H, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

13. Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Th B, xã Th T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* 1. Nguyên đơn Nguyễn Thị M.

2. Bị đơn Võ Thị T.

Bà M, Luật sư Phương, bà H và Luật sư Sâm có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Cha bà là cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1921 (đã mất ngày 09/9/1999) và mẹ bà là cụ Võ Thị T, sinh năm 1923. Cha mẹ có 07 người con gồm: Nguyễn Thị X (mất tháng 8/2016), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Văn Th. Bà Nguyễn Thị X có chồng là ông Đặng Công S và 06 người con gồm: Đặng Thị Mỹ T, Đặng Thị Mỹ D, Đặng Hoàng L, Đặng Thị Diễm S, Đặng Thị Mộng T, Đặng Hoàng D.

Cha mẹ có tạo lập được 21.170m^2 diện tích đất (thửa 675 diện tích 12.670m^2 đất lúa, thửa 676 diện tích 8.100m^2 loại đất thổ quả, thửa 677 diện tích 400m^2 loại đất cây lâu năm) tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 47 cấp ngày 08/4/1997 cho ông Nguyễn Văn Đ.

Sau khi cụ Đ mất thì cụ T tự đăng ký để sang tên nhận thừa kế mà không có sự thống nhất bằng văn bản của các con, trong đó có bà. Cụ T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/8/2005 đối với thửa đất 675 và 676, còn thửa 677 thì đã bị Nhà nước nạo vét kênh Vàm Giồng nên không còn.

Từ lúc bà sinh ra và lớn lên lập gia đình thì bà cùng chồng con đều ở với cha mẹ để phụng dưỡng chăm sóc cha mẹ già cũng như quán xuyến nhà cửa ruộng vườn thờ cúng ông bà. Bà đã bỏ công gánh đất, thuê người khiêng đất, bồi nâng nền, đắp những vùng đất trũng ở thửa 676 (trồng dừa, chuối, mít và một số hoa màu trên đất...). Hiện nay, bà không có chỗ ở, không có đất canh tác cũng như đất cất nhà ở, cuộc sống rất vất vả, khó khăn.

Nay bà có yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu xác định di sản thừa kế của cha bà là cụ Nguyễn Văn Đ chết để lại chưa chia gồm ½ thửa đất 675, ½ thửa đất số 676 với tổng diện tích 10.385m^2 (trong đó có 6.385m^2 đất lúa, 3.900m^2 đất cây lâu năm, 150m^2 đất ở), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00445, H00447 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/8/2005 cho cụ Võ Thị T.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đ chết để lại là diện tích 10.385m^2 đất nêu trên, bà M yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 1.298,3m^2 đất lúa + cây lâu năm + đất ở. Sau khi đo đạc thực tế diện tích đất lúa là 816,01m^2, đất cây lâu năm là 494,43m^2 và đất ở là 19m^2.

Vị trí đất đất lúa yêu cầu nhận tại thửa 675 (thửa mới là 568) có diện tích 816,0m^2 theo sơ đồ đo vẽ ngày 02/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Tây. Vị trí đất ở và cây lâu năm thuộc thửa 676 diện tích 510,4m^2 theo sơ đồ đo vẽ ngày 02/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Tây.

Thanh toán công sức bồi thố đắp trũng, tu bổ cải tạo hàng năm đối với thửa đất 676 với số tiền 35.000.000 đồng (đã trừ công bồi thố, cải tạo đất trên diện tích đất mà bà M yêu cầu chia là 5.000.000 đồng). Bà yêu cầu thanh toán giá trị cây trồng là dừa trên đất mà bà đã trồng bằng ½ giá trị tổng cây dừa, tạm tính mỗi cây dừa khoảng 700.000 đồng, ½ giá trị bà M yêu cầu là 35.000.000 đồng.

Bà yêu cầu quy đổi công bồi thố và giá trị cây trồng trên đất bằng hiện vật là đất trồng cây lâu năm tại thửa đất 676 (thửa mới 567) diện tích 510,4m^2.

- Bị đơn bà Võ Thị T trình bày:

Cụ và chồng là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1921, mất ngày 09/9/1999, không có con nuôi. Cha mẹ ruột của cụ và chồng đã mất trước năm 1975. Có 07 người con gồm: Nguyễn Thị X (sinh năm 1947, đã mất tháng 8/2016), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tuyết H,

Nguyễn Văn T. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng cụ có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất như sau:

+ Thửa đất số 675, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.672m^2, loại đất lúa, tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 696681 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/8/2005.

+ Thửa đất số 676, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.100m^2, loại đất cây lâu năm và đất ở, tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 696682 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/8/2005.

+ Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.006,8m^2, loại đất lúa, tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 115803 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 24/4/2015.

Sau khi cụ Đ mất, các con ruột của cụ trong đó có Nguyễn Thị M cùng thống nhất giao toàn bộ di sản của cụ Đ bao gồm các quyền sử dụng đất nêu trên mà trong đó cụ là đồng sở hữu đứng tên theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Việc này Nguyễn Thị M biết rất rõ vì khi cụ làm hồ sơ hợp thức hóa khai nhận di sản của chồng thì bà M cùng chồng là Võ Văn Th đang ở chung nhà với cụ. Mặc khác, do tuổi cao nên cụ có nhờ ông Th giúp cụ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cụ đứng tên các thửa đất nêu trên.

Nay cụ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị M đối với việc chia di sản thừa kế của chồng cụ đối với quyền sử dụng đất 03 thửa đất trên. Việc M cho rằng có công sức đóng góp, bồi bổ, tôn tạo, nâng nền, đắp trũng bằng hiện vật trên thửa đất 676 là do bà M tự nguyện làm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T, ông Đặng Công S thống nhất trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì các ông bà không đồng ý vì ý chí của cụ Võ Thị T không đồng ý chia đất cho bà M. Trong trường hợp Tòa án phán quyết chấp nhận chia cho bà M kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ thì các anh chị em sẽ góp phần bằng tiền theo giá trị của Hội đồng định giá cho bà M.

Đối với kỷ phần của các ông, bà thì các ông bà không nhận và giao lại cho cụ T.

- Chị Đặng Thị Mỹ T, chị Đặng Thị Mỹ D, anh Đặng Hoàng L, chị Đặng Thị Diễm S, chị Đặng Thị Mộng T, anh Đặng Hoàng D trình bày:

Các anh chị thống nhất với ý kiến của bà ngoại các anh chị là cụ Võ Thị T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh đang thuê đất của cụ Võ Thị T khoảng hơn 01 mẫu đất lúa, anh thuê đất hàng năm, năm nào trả tiền năm đó. Đối với việc bà M tranh chấp đất với bà T thì anh không có ý kiến gì.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 188, Điều 195 Luật đất đai. Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự. Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với công bồi thố và tính giá trị cây trồng trên thửa 676 (thửa mới 567).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

2.1. Công nhận thửa đất 676 (thửa mới 567), diện tích 8.100m^2 (diện tích thực tế 8.214,9m^2) đất trồng cây lâu năm + đất ở, tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00047 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/8/2005 cho bà Võ Thị T là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Võ Thị T.

2.2. Công nhận thửa đất 675 (thửa mới 568), diện tích 12.670m^2 (diện tích thực tế 13.056,2m^2) đất lúa, tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00445 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/8/2005 cho bà Võ Thị T là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Võ Thị T.

2.3. Chia cho bà Nguyễn Thị M là 1.460,2m^2 đất lúa, tại thửa 675 (thửa mới là 568), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2.4. Giao cho cụ Võ Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng 11.596,07m^2 đất lúa, tại thửa đất 675 (thửa mới là 567), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2.5. Giao cho cụ Võ Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 676 (thửa mới là 567), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), diện tích 8.214,9m^2 đất ở và cây lâu năm, địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2.6. Tạm giao cho cụ Võ Thị T được quản lý, sử dụng ngôi nhà cùng công trình kiến trúc và cây trồng trên thửa đất 676 (thửa mới là 567).

2.7. Bà Nguyễn Thị M và cụ Võ Thị T được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai đối với quyền sử dụng dụng đất được nhận. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 27 tháng 04 năm 2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét được nhận kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 510m^2 ngang mặt tiền 10,55m, mặt còn lại của thửa đất là 12m (loại đất thổ cư + cây lâu năm) trong đó có 18,75m^2 đất ở thuộc thửa 676 (thửa mới 567) và diện tích 816,01m^2 thuộc thửa đất số 675 (thửa mới 568) theo vị trí tại sơ đồ đo vẽ của Tòa án. Trường hợp không chấp nhận thì yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất ruộng nằm tại vị trí Bắc giáp đường kênh; Tây giáp thửa 211 của cụ Võ Thị Tấc; Đông giáp Kênh - Đường Thạnh Bình, Thạnh Hưng; Nam giáp phần còn lại của thửa 675 (thửa mới 568).

Ngày 25 tháng 04 năm 2022, bị đơn bà Võ Thị T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có nhiều phân tích, lập luận trình bày: Có cơ sở theo yêu cầu chia thừa kế cho bà M, bà M hiện không có nơi ở nào khác, là nhu cầu cần thiết, vị trí bà M yêu cầu là phù hợp, thuận tiện về lối đi, nhu cầu điện và nước sinh hoạt, vị trí thửa đất khi được giao bà M có điều kiện dễ dàng khi liên hệ về thủ tục cất nhà sinh sống. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bị đơn.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có nhiều phân tích, lập luận trình bày: Diện tích đất tranh chấp đã chuyển tên cho cụ T là công nhận về quyền sử dụng của cụ T, khi đó các người con không tranh chấp, từ chối thừa kế đồng ý giao toàn bộ cho cụ T, yêu cầu kháng cáo của cụ T là có cơ sở; đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Có căn cứ di sản thừa kế là của cụ Điều để lại, yêu cầu chia thừa kế của bà M là có cơ sở, cụ T không có tài liệu chứng cứ mới để xem xét. Yêu cầu của bà M được chia diện tích đất vị trí khác để thuận tiện cất nhà sinh sống, nhưng không đảm bảo về điều kiện, diện tích nhỏ lẽ, án sơ thẩm xét xử là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M và cụ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đương sự thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo theo qui định Tố tụng dân sự.

Cụ Võ Thị T có đơn kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; do cụ T là người cao tuổi có đơn xin vắng mặt, tại phiên tòa Luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi cho cụ T có mặt, nên xem xét xét xử vắng mặt cụ T.

[II]- Nội dung vụ án: Nguồn gốc đất yêu cầu chia thừa kế là do cụ Nguyễn Văn Đ được cấp quyền sử dụng tại các thửa số 52 diện tích 7.812m^2, thửa 676 diện tích 390m^2 ngày 21/8/1989; đến năm 1997 thì cụ Nguyễn Văn Đ đứng tên các thửa số 675 diện tích 12.670m^2, thửa số 676 diện tích 8.100m^2, thửa số 677 diện tích 400m^2 ngày 08/4/1997. Cụ Đ có vợ là Võ Thị T, sau khi cụ Đ mất vào năm 1999, thì cụ T được cấp quyền sử dụng thửa số 675, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.672m^2 loại đất lúa + thửa đất số 676, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.100m^2, loại đất cây lâu năm và đất ở cùng ngày 08/8/2005 và thửa đất số 211, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.006,8m^2, loại đất lúa ngày 24/4/2015, các thửa đất tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang trên cơ sở có hợp đồng chuyển nhượng từ cụ Đ sang qua cho cụ T ngày 28/6/2005.

[II.1]- Xem xét về nguồn gốc đất là của cụ Đ và cụ T, là cha mẹ của các ông bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị X (sinh năm 1947, đã mất tháng 8/2016), bà X có chồng là Đặng Công S và các con là Đặng Thị Mỹ T, Đặng Thị Mỹ D, Đặng Hoàng L, Đặng Thị Diễm S, Đặng Thị Mộng T, Đặng Hoàng D. Về thủ tục sang tên từ cụ Đ cho cụ T là do cụ Đ chết, chuyển tên từ chồng sang cho vợ, là tài sản chung vợ chồng, không có văn bản nào thể hiện là các người con của cụ Đ và cụ T từ chối nhận di sản thừa kế, trong đó có bà M. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu xác định di sản của cụ Đ để lại là ½ và yêu cầu được chia phần di sản của cụ Đ để lại cho các kỷ phần thừa kế, trong đó bà được hưởng 01 kỷ phần là có cơ sở, án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Lời trình bày và yêu cầu của cụ T không chấp nhận chia thừa kế cho bà M là không có cơ sở xem xét.

[II.2]- Đối với diện tích đất được chia, qua đo đạc thực tế thửa 675 (số thửa mới là 568) loại đất lúa có diện tích 13.056,2m^2 : 2 = 6.528,1m^2 chia cho 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 816m^2; thửa 676 (số thửa mới là 567) loại đất trồng cây lâu năm và đất ở có diện tích 8.214,9m^2 : 2 = 4.107m^2 chia cho 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 513,4m^2; theo đó bà M sẽ được hưởng kỷ phần cho cả hai diện tích đất là 1.329,4m^2. Tuy nhiên, qua xem xét nếu chia cho bà M diện tích từng thửa đất sẽ riêng lẽ, ảnh hưởng đến quyền sử dụng diện tích đất, trong khi bà M có sự mâu thuẫn với mẹ là cụ T và các anh chị em trong gia đình (Bút lục 178 về việc mâu thuẫn gia đình, không cho bà M sinh sống gần mẹ), không đảm bảo về việc cấp quyền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/5/2020, được sửa chửa bổ sung tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trong khi các thửa đất liền kề với nhau, có lối đi riêng biệt, thuận tiện; án sơ thẩm tính giá trị loại đất trồng cây lâu năm và đất ở quy ra diện tích đất lúa, giao cho bà M

được hưởng kỷ phần tại vị trí đất lúa với diện tích là 1.460,2m^2 (nhiều hơn 1.329,4m^2) là phù hợp.

Bà M cho rằng đối diện vị trí đất được chia có khu nghĩa địa, không thuận tiện cất nhà sinh sống, qua xem xét thực tế ngày 11/4/2023 tại vị trí đất bà M được chia có chiều ngang 24,2m, đối diện đường bê tông công cộng Thạnh Bình, Thạnh Hưng có khu mồ mả nhưng không đối diện trực tiếp mà lệch về một phía, không được coi là không thuận tiện sinh sống. Trong vụ án là yêu cầu chia thừa kế, xem xét kỷ phần thừa kế được chia, nếu bà M có nhu cầu canh tác, sinh sống thì có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

[III]- Từ đó, cho thấy yêu cầu kháng cáo của cụ T không đồng ý chia thừa kế là không có cơ sở để xem xét; yêu cầu kháng cáo của bà M cũng không phù hợp để được chấp nhận. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, phù hợp qui định pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M và cụ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận đề nghị của Luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và bị đơn.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[IV]- Xem xét bà M và cụ T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí phúc thẩm và sơ thẩm kỷ phần thừa kế của bà M và kỷ phần thừa kế của cụ T.

[V]- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 188, 195 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và cụ Võ Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với công bồi thố và tính giá trị cây trồng trên thửa 676 (thửa mới 567).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

2.1. Công nhận thửa đất 676 (thửa mới 567), diện tích 8.100m^2 (diện tích thực tế 8.214,9m^2) đất trồng cây lâu năm + đất ở, tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00047 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/8/2005 cho bà Võ Thị T là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Võ Thị T.

2.2. Công nhận thửa đất 675 (thửa mới 568), diện tích 12.670m^2 (diện tích thực tế 13.056,2m^2) đất lúa, tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00445 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/8/2005 cho bà Võ Thị T là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Võ Thị T.

2.3. Chia cho bà Nguyễn Thị M là 1.460,2m^2 đất lúa, tại thửa 675 (thửa mới là 568), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2.4. Giao cho cụ Võ Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng 11.596,07m^2 đất lúa, tại thửa đất 675 (thửa mới là 568), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2.5. Giao cho cụ Võ Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 676 (thửa mới là 567), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), diện tích 8.214,9m^2 đất ở và cây lâu năm, địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí các thửa đất có sơ đồ kèm theo.

2.6. Tạm giao cho cụ Võ Thị T được quản lý, sử dụng ngôi nhà cùng công trình kiến trúc và cây trồng trên thửa đất 676 (thửa mới là 567).

2.7. Bà Nguyễn Thị M và cụ Võ Thị T được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai đối với quyền sử dụng dụng đất được nhận.

3. Về án phí:

Cụ Võ Thị T và bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- CC THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Giàu